

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN THỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-LN  
V/v đăng ký trồng Quế (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 theo Đề án “Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”

Tân Thịnh, ngày 29 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên;
- Ban quản lý rừng ATK Định Hóa.

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 về việc phê duyệt Đề án “Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Văn bản số 102/CCKL-QLBV&PTR ngày 22/01/2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc giao nhiệm vụ thực hiện Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ Công văn số 82/BQLR-KH ngày 27/02/2024 của Ban quản lý rừng ATK Định Hóa về việc triển khai trồng quế theo Đề án Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 (nguồn Ngân sách tỉnh);

Căn cứ quỹ đất trống và nhu cầu trồng quế của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Tân Thịnh.

UBND xã Tân Thịnh tổng hợp nhu cầu trồng quế theo Đề án “Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” (giai đoạn 1, vụ xuân) năm 2024 như sau:

- Tổng số hộ đăng ký tham gia thực hiện: 27 hộ.
- Diện tích đăng ký thực hiện: 24,00 ha.

*(Có danh sách cụ thể kèm theo)*

Đề nghị Ban quản lý rừng ATK Định Hóa tổng hợp báo cáo Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên xem xét hỗ trợ cho các hộ trồng quế theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND xã;
- Các xóm tham gia thực hiện;
- Lưu VP, LN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Văn Hòa**

**DANH SÁCH ĐĂNG KÝ ĐĂNG KÝ TRỒNG QUẾ**  
**(GIAI ĐOẠN 1, VỤ XUÂN) NĂM 2024**  
**(Theo Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực**  
**tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030)**  
*(Kèm theo Công văn số...../UBND-LN ngày 29/02/2024*  
*của UBND xã Tân Thịnh)*

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Số lượng (cây)</b>
<b>I</b>	<b>Xóm Bản Mần</b>		
1	Phạm Xuân Hiến	1,30	6.500
2	Lý Văn Tông	1,10	5.500
3	Lý Phúc Phân	0,30	1.500
4	Lý Phúc Cầu	1,80	9.000
5	Lý Văn Thịnh	0,70	3.500
6	Phương Đình Giáo	0,30	1.500
<b>6</b>	<b>Cộng</b>	<b>5,50</b>	<b>27.500</b>
<b>II</b>	<b>Xóm Đồng Muông</b>		
1	Hoàng Văn Khánh	0,50	2.500
2	Hoàng Văn Hội	0,40	2.000
3	Trần Văn Tâm	0,60	3.000
4	Trần Văn Hải	0,60	3.000
5	Dương Văn Nam	0,30	1.500
5	<b>Cộng</b>	<b>2,40</b>	<b>12.000</b>
<b>III</b>	<b>Xóm Khau Lang</b>		
1	Hoàng Văn Tiến	3,00	15.000
2	Hoàng Văn Chiến	0,70	3.500
3	Hoàng Thị Trang	0,60	3.000
4	Hoàng Văn Thắng	0,30	1.500
5	La Văn Tạo	0,30	1.500
6	Bùi Công Cảm	0,30	1.500
7	Phương Thế Hiền	0,30	1.500
7	<b>Cộng</b>	<b>5,50</b>	<b>27.500</b>
<b>IV</b>	<b>Xóm Làng Đức</b>		
1	Hoàng Văn Nhàn	0,40	2.000
2	Hoàng Văn Cấp	1,20	6.000
3	Trần Văn Tân	0,50	2.500
3	<b>Cộng</b>	<b>2,10</b>	<b>10.500</b>
<b>V</b>	<b>Xóm Làng Ngõa</b>		
1	Hoàng Văn Giảng	1,60	8.000
2	Nông Văn Chung	0,30	1.500
2	<b>Cộng</b>	<b>1,90</b>	<b>9.500</b>
<b>VI</b>	<b>Xóm Làng Dạ</b>		
1	Nông Đình Huân	1,50	7.500
2	Mông Thị Thanh	3,00	15.000
2	<b>Cộng</b>	<b>4,50</b>	<b>22.500</b>

<b>VII</b>	<b>Xóm Khuổi Lừa</b>		
1	Vũ Trọng Thứ	1,50	7.500
<b>1</b>	<b>Cộng</b>	<b>1,50</b>	<b>7.500</b>
<b>VIII</b>	<b>Xóm Thịnh Mỹ</b>		
1	Hoàng Văn Khiêm	0,60	3.000
<b>1</b>	<b>Cộng</b>	<b>0,60</b>	<b>3.000</b>
<b>27</b>	<b>Tổng cộng xã</b>	<b>24,00</b>	<b>120.000</b>